

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HSST  
Ngày: 29-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nghê

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch hội luật gia huyện G.

2. Bà Vũ Thị Đào – Nguyên hiệu trưởng Trường THCS thị trấn G;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Ông Phan Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

**DANH Đ** - sinh ngày 15/11/2002; Nơi sinh: G – Kiên Giang

Nơi cư trú: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; họ và tên cha: Danh T, sinh năm 1972; họ và tên mẹ: Thị Út D, sinh năm 1982; Bị cáo có 02 người anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1999, bị cáo là người con út trong gia đình; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị khởi tố và ra lệnh bắt bị cáo để tạm giam ngày 07/3/2020. Đến ngày 09/6/2020 ra quyết định truy nã bị cáo, ngày 02/7/2020 bắt được bị cáo và tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Danh Đ:* Bà Vũ Thị L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt);

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Danh Đ:* Ông Danh T – sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- *Bị hại:*

Danh T – sinh năm 1997 (có mặt);

Địa chỉ: ấp AP, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- *Người làm chứng:*

Danh Út Đà R – sinh ngày 19/11/2004 (có đơn xin vắng mặt);  
 Địa chỉ: ấp AP, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang  
 Danh Th – sinh năm 1998 (có đơn xin vắng mặt).  
 Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15/01/2020, anh Danh T tổ chức uống rượu cùng với Hà Thị T (D), Danh Út Đà R, Danh Th (Th) tại nhà ông Danh P thuộc ấp A, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Tại đây, cả nhóm vừa uống rượu vừa mở thùng loa kéo kéo hát Karaoke. Cùng thời điểm này tại nhà bị cáo Danh Đ cũng tổ chức uống rượu gồm có: Danh Đ, Danh Q, Lý Th, Lê Việt Đ, Thị M, Thị Kim A, Võ Thùy L, Danh Phi L và hai người bạn của Q. Sau đó, Lê Việt Đ chở Thị M đi chơi, khoảng 30 phút sau gọi điện thoại về cho Danh Đ hay là Đức đang bị chặn đánh ở xã Thủy Liễu, kêu nhóm của Được, Q và Th đi tiếp cứu. Bị cáo Đ kêu bị cáo Q đi về nhà Q lấy hung khí để tiếp cứu Đức và Q đồng ý. Sau đó, Bị cáo Đ chở bị cáo Q về nhà Q lấy hung khí gồm 03 cây dao tự chế, mỗi cây dài khoảng 60cm cất giấu ngoài vườn lá nhà Q. Sau khi lấy hung khí xong, Bị cáo Đ và bị cáo Q quay trở lại nhà Được và rủ thêm một số người đi cùng. Khi đi, Bị cáo Đ chở bị cáo Th đi trên xe mô tô của Lý Th hiệu Sirius màu đỏ - trắng và mang theo 02 cây dao tự chế. Bị cáo Q đi cùng với Danh Phi L và Võ Thùy L do Phi Linh điều khiển xe mô tô của Phi Linh hiệu Exciter màu xanh, bị cáo Q mang theo 01 cây dao tự chế. Xe còn lại gồm: hai người thanh niên đi cùng Thị Kim A. Bị cáo Đ điều khiển xe chạy trước, còn Danh Phi L chạy theo sau. Trên đường đi đến đoạn qua nhà ông Danh P, lúc này nhóm Danh T đang hát Karaoke, do mạng 3G yếu, thùng loa bị mất kết nối nên anh Đà R có chửi thề lớn tiếng “Đụ má mất mạng”. Vừa lúc này, Danh Đ chở bị cáo Th chạy xe ngang qua nhà ông Ph nghe thấy vậy tưởng có người chửi mình nên dừng xe lại. Lúc này, Danh Th đi ra lộ đal và xảy ra cự cãi với nhóm Danh Đ, nghe tiếng cự cãi nên anh Th đi ra và nói “Anh em có chuyện gì từ từ nói, bộ mày không biết tao sao, tao Chi nè”. Bị cáo Lý Th nói “Tao không biết tui mày là ai”. Sau đó, Lý Th cầm dao xông tới chém anh Th trúng vào cẳng tay trái, anh Th bỏ chạy vào sân. Lúc này, bị cáo Danh Q cũng vừa đến nhà ông Ph nên Bị cáo Đ cùng với Q cầm dao xông tới chém anh Th nhiều nhát, Q chém trúng tay phải một nhát, Được chém trúng vào lưng và ngực bị hại. Thấy anh Th bị chém nhiều nên Danh Út Đà R đưa cây gậy ba khúc bằng sắt cho anh Th cầm quơ, cả 02 bị cáo Th, Q và Được, tiếp tục xông tới chém anh Th thêm nhiều nhát, anh Th bỏ chạy ra ruộng. Cả 03 tiếp tục bao vây để chém tiếp, bị cáo Th chém thêm một nhát vào vai phải anh Th. Sau đó, bị cáo Q, Được và Th nghỉ chém và đi về thị trấn G, anh Th được anh Danh Út Đà R đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện G, sau đó chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Hậu Giang tiếp tục điều trị (BL số: 60 – 74, 88 - 92).

**Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 131/KL-PY ngày 27/02/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang kết luận như sau:**

*1. Dấu hiệu chính qua giám định:*

Sẹo phần mềm vùng ngực phải, ngực trái, hông phải, vùng lưng phải (05 vết), lưng trái (02) vết, cánh tay trái, cẳng tay trái và cẳng tay phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở: Vùng ngực phải: 01%; vùng ngực trái: 01%. Vùng lưng phải (05) vết: Vết 1: 01%, vết 2: 02%, vết 3: 01%, vết 4: 01%, vết 5: 01%. Vùng lưng trái (02) vết: Vết 1: 02%, vết 2: 02%. Vùng hông phải: 01%; Vùng cánh tay trái: 02%; Vùng cẳng tay trái: 02%; Vùng cẳng tay phải: 02%.

3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích trên gây nên hiện tại là: 17% (mười bảy phần trăm).

4. Vật gây thương tích: Vật có góc cạnh sắc.

Tại bản Cáo trạng số: 26/CT-VKSND-GQ, ngày 07/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Danh Đ về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phát biểu giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Danh Đ và đề nghị:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Danh Đ từ 18 đến 22 tháng tù.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thuốc điều trị, tổn thất tinh thần, ngày công lao động và các chi phí khác với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền trên và giao nộp tại phiên tòa 10.000.000đ, số tiền còn lại thì ông Danh T là cha ruột của bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại 5.000.000đ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày xét xử nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

- **Về vật chứng:** Đã được xử lý tại Bản án số 26/2020/HS-ST, ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Viện kiểm sát không đề nghị.

Đối với bị cáo Danh Q và Lý Th đã được xét xử tại Bản án số 26/2020/HS-ST, ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Viện kiểm sát không đề nghị.

*Người bào chữa cho bị cáo Danh Được – bà Vũ Thị L có ý kiến trình bày như sau:*

Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội nên người bào chữa không có ý kiến. Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã vận động gia đình khắc phục bồi thường cho bị hại được số tiền 10.000.000đ ngay tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc khome, trình độ học vấn thấp lại là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét, áp dụng các điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 90, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo bằng mức án thấp nhất của khung hình phạt liên kề là 06 tháng tù.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng Danh Út Đà R và Danh Th được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt những người làm chứng trên là phù hợp theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Danh Đ khai nhận, do nghi ngờ nhóm của anh Danh T chửi mình nên bị cáo cùng với 02 bị cáo khác là Lý Th và Danh Q cầm dao xông tới chém anh Th nhiều nhất, bị cáo Th chém trúng vào cẳng tay trái, bị cáo Q chém trúng tay phải một nhất, Bị cáo Đ chém trúng vào lưng và ngực bị hại. Anh Th bỏ chạy ra ruộng, Bị cáo Đ, các bị cáo Danh Q và Lý Th tiếp tục bao vây chém Danh T thêm nhiều nhất dẫn đến gây ra thương tích cho Danh T với tỷ lệ thương tích là 17% (mười bảy phần trăm).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng số 26/CT-VKSND-GQ, ngày 07/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G và các chứng cứ khác có trong hồ sơ mà quá trình điều tra thu thập được.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của bị hại; bị cáo có đầy đủ năng lực pháp luật, năng hành vi nhận thức được tính mạng, sức khỏe của con người là vốn Q được mọi người tôn trọng và pháp luật bảo vệ nhưng vì bản chất côn đồ, hung hãn, bất chấp pháp luật, xem thường tính mạng và sức khỏe của người khác nên bị cáo đã cùng bị cáo Q và Th dùng hung khí là dao tự chế cố ý gây thương tích cho bị hại. Thương tích mà bị cáo cùng với bị cáo Q và bị cáo Th gây ra cho bị hại Danh T là 17%, hung khí mà các bị cáo dùng để gây thương tích là hung khí nguy hiểm quy định tại Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự, nên cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Danh Đ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5]. Về vai trò đồng phạm trong vụ án, bị cáo là người chủ mưu và rủ rờ, còn bị cáo Th và Q là người cùng thực hiện tích cực. Tuy nhiên, xét về tính chất, mức độ cùng thực hiện tội phạm của các bị cáo là như nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7]. Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo cùng gia đình tự nguyện bồi

thường cho bị hại số tiền 10.000.000đ ngay tại phiên tòa nên Bị cáo Đ hướng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Bị cáo Đ hướng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Danh Đ chưa đủ 18 tuổi, có 02 tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo là phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước ta.

Sau khi đã xem xét đầy đủ toàn diện, khách quan các tình tiết của vụ án, đối chiếu với quy định pháp luật, đề nghị của Viện kiểm sát và Trợ giúp viên pháp lý. Xét thấy cần phải áp dụng cho các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội và tách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Danh Đ, người đại diện hợp pháp của bị cáo – ông Danh T và bị hại Danh T về việc thống nhất bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000đ, 10.000.000đ đã được giao nhận ngay tại phiên tòa, 5.000.000đ còn lại thì ông Danh T chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày xét xử.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

**Tuyên bố:** bị cáo Danh Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Danh Đ 18 (mười tám) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày 02/7/2020.

\* **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Danh Đ, người đại diện hợp pháp của bị cáo – ông Danh T và bị hại Danh T về việc thống nhất bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000đ, 10.000.000đ đã được giao nhận ngay tại phiên tòa, 5.000.000đ còn lại thì ông Danh T chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày xét xử.

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Danh T không trả số tiền trên thì hàng tháng ông Danh T còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

\* **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Danh Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

**\* Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 29/9/2020.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện G;
- Cơ quan CSĐT CA huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thành Nghệ**